

Giao dục – đào tạo trong đó giáo dục đại học (GDĐH) mà sản phẩm của nó là nguồn nhân lực tri thức, được coi như “nguồn nguyên khí” quốc gia đồng thời có ý nghĩa quyết định đến “vận mệnh” của đất nước, đặc biệt là trong nền kinh tế tri thức. Bất nguồn từ đó đã từ lâu Đảng và Nhà nước đã đặt giáo dục – đào tạo thành quốc sách hàng đầu. Theo đó là hàng loạt các biện pháp để hiện thực hóa nó. Tuy nhiên, sau 20 năm “đổi mới” bằng việc chuyển đổi từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường; nền kinh tế của đất nước đã có những chuyển biến khá toàn diện; song sự chấn hưng giáo dục đại học thì còn quá chậm chạp chưa tương thích và thiếu nhạy cảm; trong khi nhiệm vụ của GDĐH là phải đi trước một bước.

Trước yêu cầu bức xúc đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết “Về đổi mới cơ bản và toàn diện GDĐH VN giai đoạn 2006 – 2020” (NQ14/2005/NQ – CP ngày 2.11.2005). Vậy thế nào là đổi mới cơ bản và toàn diện? Theo chúng tôi đổi mới cơ bản là sự phá vỡ những cái đã lỗi thời, cải biến sâu sắc bản chất của nền tảng giáo dục hiện hữu và làm thay đổi căn bản bộ mặt của GDĐH VN. Đổi mới toàn diện là đổi mới nhiều mặt: mục tiêu, chương trình, cơ cấu, cơ chế, phương thức đào tạo một cách có hệ thống và đồng bộ.

Có thể nhìn nhận một cách thẳng thắn, GDĐH VN tụt hậu so với nhiều nước trong khu vực và còn khoảng cách rất xa với các nước phát triển về cả chất lượng và số lượng sinh viên tính trên 10.000 dân. Đơn cử, chúng ta phần đầu đến 2010 có khoảng 200 sinh viên/10.000 dân, trong khi đó ở một số nước Đông Nam Á như Malaysia, Philippines, Thái Lan đã có từ 300 – 400 sinh viên/10.000 dân... Vì sao GDĐH của chúng ta còn nhiều mặt yếu kém và làm gì khắc phục nó?

1. Những nguyên nhân hạn chế trong GDĐH hiện nay

Sự trì trệ và yếu kém trong GDĐH của ta hiện nay không chỉ

Đổi mới cơ bản và sâu rộng giáo dục đại học Việt Nam hướng tới hội nhập hệ thống đào tạo đại học quốc tế

GS.TS. NGUYỄN THANH TUYẾN

Chương trình GDĐH của VN hiện nay vừa lạc hậu vừa có nhiều điểm “đị biệt” so với chương trình của các ĐH trên thế giới. Ngoài ra còn mang tính giáo điều, khiên cưỡng, “kính viện”; xa rời thực tế. **Đổi mới nó là nhất thiết, song cần có bước đi hợp lý và tuân thủ một phương châm chung: “Dạy cái gì cần cho người học, chứ không phải cái gì mà ta đang có”.**



giới hạn ở một vài khâu mà trên mọi phương diện. Điều này có thể nhìn nhận một cách khái lược như sau:

1.1. Về mặt học thuật:

- Chưa tiếp cận thực sự với những tiến bộ khoa học – công nghệ và tiến trình hội nhập; chưa gợi mở cho người học một hoài bão khát khao và lòng tự tôn dân tộc hướng tới làm chủ những kiến thức khoa học hiện đại trong tương lai và sánh vai cùng các nước có nền khoa học – công nghệ hiện đại.

- Chương trình đào tạo còn xa rời thực tế, nặng nề lối học “kính viện” khép kín, thiếu cập nhật kiến

thức hiện đại, tạo cho người học theo lối “tầm chương trích cú”, hạn chế việc phát triển tư duy năng động, trí sáng tạo của sinh viên.

- Về đội ngũ giảng viên, nếu nhìn thẳng vào sự thật, thì số giảng viên thực sự đáp ứng yêu cầu đào tạo ĐH trên các tiêu chí của ĐH quốc tế, còn chiếm tỷ lệ khá khiêm nhường (theo chúng tôi không quá 20%). Số giảng viên này cũng rất ít được tái đào tạo, học hỏi và giao lưu với hệ thống GDĐH quốc tế và vẫn giảng theo “cái gì mà mình có”.

- Nghiên cứu khoa học chưa trở thành nhu cầu thực sự trong giảng

viên, mà đây lại yếu tố về nền tảng khoa học, tạo chất liệu về kiến thức và trình độ giảng dạy của người thầy. Mặt khác, đề tài và các nội dung nghiên cứu khoa học vẫn còn nặng về hình thức, chưa gắn với yêu cầu của đời sống kinh tế thiếu thiết thực và hiệu quả cả về mục tiêu lý luận và thực tiễn.

- Phương pháp giảng dạy, hơn 15 năm cải cách giáo dục (từ đầu những năm 1990) đến nay các trường ĐH chúng ta vẫn duy trì lối giảng lỗi thời; chủ yếu là “độc thoại”, không tạo được môi trường giảng đường chính là “diễn đàn”, dân chủ đối thoại là phương pháp hiệu quả trong học tập... Do vậy sinh viên học tập còn thụ động, ít khả năng hình thành tư duy sáng tạo khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Kèm theo đó phương tiện giảng dạy lạc hậu, nặng “trừu tượng” thiếu “trực quan”, làm cho sinh viên bỡ ngỡ khi bước vào “nghề”.

1.2. Về cơ cấu tổ chức và quản lý GDDH

- Mạng lưới ĐH, còn chấp vá về hệ thống, thiếu đồng bộ về cơ cấu, chưa đa dạng về loại hình, tính xã hội hóa chưa cao trong GDDH, hạn chế tính cạnh tranh trong chất lượng GDDH. Đến nay chúng ta vẫn chưa có một trường ĐH nào mang đẳng cấp quốc tế, ngay cả “cận” đẳng cấp đó. Nhìn chung là hệ thống GDDH ở VN chưa phù hợp.

- Cơ chế chủ quản thông qua quản lý theo kiểu “xin - cho” như hiện nay vừa lỗi thời vừa là lực cản sức sáng tạo và hạn chế động lực phát triển GDDH theo hướng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao.

- Liên thông đào tạo với các ĐH quốc tế còn ở mức độ thấp, chưa phổ biến. Hạn chế này có nhiều nguyên nhân, song quan trọng nhất là chưa có chính sách khuyến khích và kèm theo các biện pháp thực hiện đồng bộ. Cũng cần nhấn mạnh, liên thông đào tạo là cầu nối hay là một trong những biện pháp tiếp cận trong hội nhập với GDDH trên thế giới, đặc biệt với các nền giáo dục tiên tiến.

1.3. Đầu tư cho GDDH: So với nhiều nước trong khu vực chúng ta còn ở mức thấp, khoảng trên 20 USD/người. Chi NSNN cho giáo dục

đào tạo những năm gần đây có tăng từ 3 - 5%, song chưa tương xứng với vị trí của giáo dục đào tạo được coi là quốc sách hàng đầu; do đó khó tạo được sự đột phá trong giáo dục đào tạo để nó ngang tầm với 20 năm “mở cửa” của nền kinh tế.

1.4. Xã hội hóa GDDH: Những năm gần đây Nhà nước đã mở rộng điều kiện cho các thành phần tham gia hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Hàng chục trường ĐH dân lập, và gần đây là các ĐH tư thục được hình thành, đã “hòa mạng” với các trường ĐH công lập, tạo nên hệ thống GDDH đa dạng và mở rộng con đường học vấn cho người học. Tuy nhiên do hạn chế về quản lý “chuẩn mực” của Nhà nước, cũng như nhiều lý do khác, mà hệ thống GDDH ngoài công lập vẫn còn hạn chế về chất lượng đào tạo và lòng tin thực sự của người học.

Nhìn chung, chỉ số về chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực ở VN mới đạt 3,8/10 trong khi đó, Trung Quốc là 5,73, Ấn Độ 5,76, VN đứng sau ngay cả Philippines 4,53, Thái Lan 4,04 và Malaysia 5,59...

Tất cả các yếu tố trên là sự cảnh báo về tính bức bách của công cuộc cải cách giáo dục - đào tạo ở VN, nếu không muốn tiếp tục tụt hậu.

2. Phương hướng đổi mới GDDH ở VN

Để đổi mới sâu rộng và toàn diện GDDH VN, tạo được chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả qui mô; với mục tiêu đến 2020 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, tạo cơ hội vững chắc tiếp cận với trình độ thế giới, cần phải thực hiện quyết liệt và đồng bộ với 3 nhóm giải pháp gồm: giải pháp chỉ đạo tầm quốc gia; giải pháp đột phá vào các khâu trọng yếu về cơ chế, cơ cấu và các giải pháp song hành, đồng bộ hướng vào đổi mới cơ bản và toàn diện sau:

2.1. Giải pháp về chỉ đạo: Giải pháp này có tính tiên quyết trong hệ thống giải pháp nói trên, là sự đổi mới toàn diện và sâu sắc về cách nghĩ cách nhìn của lãnh đạo nhà nước về vai trò GDDH VN hướng tới nền kinh tế tri thức trên mọi phương diện kinh

tế - chính trị - XH và vị thế quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Chỉ có sự đổi mới về tư duy đó, mới có thể tạo ra thế và lực cho sự thành công trong công cuộc cải biến sâu rộng một hệ thống giáo dục lỗi thời đã ăn sâu bám rễ từ lâu. Sự thay đổi trên trước hết đã được thể hiện bằng việc ra đời NQ14/2005/NQ-CP của Chính phủ: “Về đổi mới cơ bản và toàn diện GDDH VN giai đoạn 2006 - 2020”. Theo đó là việc thành lập Ban chỉ đạo đổi mới GDDH của Chính phủ để chỉ đạo thực hiện NQ này. Tuy nhiên mục tiêu đến 2020 “đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, tạo cơ hội vững chắc tiếp cận với trình độ thế giới”, sẽ khó hiện thực hóa nếu không có những biện pháp chỉ đạo quyết liệt, nhất quán, đồng bộ và khẩn trương. Bởi các “tiêu điểm” mà chúng ta ngắm tới, luôn “di động” về phía trước với mục tiêu cao và xa hơn. Do vậy chúng ta chỉ có thể đạt tới đích của mình bằng một vận tốc cao hơn các “tiêu điểm” đang di động để bứt phá, bằng các khâu “đột phá” mang tính quyết định.

2.2. Đột phá vào các khâu trọng yếu: Để đổi mới cơ bản trong điều kiện hiện nay phải nhằm vào các khâu “đột phá” về cơ chế và cơ cấu

Các khâu đột phá đó, có thể diễn ra bằng sự thay đổi tận gốc cơ chế đã lỗi thời hoặc có thể là thay đổi bản sắc của các yếu tố không còn phù hợp trên nền tảng giáo dục hiện hữu. Nói cách khác là đột phá “cơ chế” và “cơ cấu”. Theo tinh thần đó, thì các khâu đột phá để đổi mới cơ bản GDDH trong điều kiện hiện nay là:

2.2.1. Xóa bỏ cơ chế Bộ chủ quản trong quản lý GDDH, mà chúng ta thường chỉ trích là cơ chế “xin - cho” trong đào tạo. Đây là khâu đột phá “cơ chế” chưa có tiền lệ. Sự phá vỡ nó sẽ “bùng nổ” về động lực và tính bền vững cho phát triển GDDH VN. Bởi sự phá vỡ đó cũng chính là giải phóng sức sống tiềm ẩn của GDDH như: tính năng động, các sáng tạo, sức cạnh tranh để tồn tại và phát triển và suy cho cùng là đều hướng đến một tiêu điểm là hiệu quả chất lượng để xác lập vị thế của nền

GDDH với thế giới.

Xóa bỏ cơ chế Bộ chủ quản ở đây, thực chất là trả lại quyền “vốn dĩ” của các trường ĐH về: tuyển sinh, quyết định các hệ đào tạo, hình thức đào tạo, các bậc đào tạo chương trình đào tạo, liên thông đào tạo tuyển dụng nhân sự, bổ nhiệm các chức danh khoa học và tự chủ về tài chính... Bộ chủ quản (Bộ GD và ĐT) chỉ còn lại chức năng quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, không can thiệp sâu vào hoạt động của các trường ĐH như hiện nay.

2.2.2. Đổi mới cơ bản mục tiêu, chương trình đào tạo và các yếu tố hữu quan, đây là khâu đột phá về “cơ cấu” của hệ thống GDDH, là nội dung trọng tâm và có ý nghĩa quyết định trực tiếp đến chất lượng của GDDH:

Thứ nhất, đổi mới mục tiêu đào tạo: cần thay mục tiêu mang tính “giáo điều” sang mục tiêu có tính tích cực “thời cuộc”, nhằm khuyến khích người học luôn hướng tới trào lưu tiến bộ khoa học kỹ thuật; gần lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội, khơi dậy lòng tự tôn dân tộc và vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Mục tiêu tuy chỉ là yếu tố định hướng, nhưng nếu xác thực sẽ có ý nghĩa động lực trong học tập. Mục tiêu này chương trình đó. Nói khác, mục tiêu quyết định chương trình và chương trình là sản phẩm của mục tiêu.

Thứ hai, chương trình là nền tảng để thực hiện hóa mục tiêu, do vậy nó giữ vị thế là khâu đột phá trọng yếu về “cơ cấu” GDDH. Chương trình GDDH của VN hiện nay vừa lạc hậu vừa có nhiều điểm “đặc biệt” so với chương trình của các ĐH trên thế giới. Ngoài ra còn mang tính giáo điều, khiên cưỡng, “kinh viện”, xa rời thực tế. Đổi mới nó là nhất thiết, song cần có bước đi hợp lý và tuân thủ một phương châm chung: “Dạy cái gì cần cho người học, chứ không phải cái gì mà ta đang có”. Cái “cần ở” đây là sự phù hợp kiến thức với thời cuộc và tính toàn cầu của nó; còn cái “đang có” của ta thì đã lỗi thời.

Để làm được điều này, chúng tôi thiết nghĩ phải làm ngay “cuộc cách mạng” về chương trình giáo

trình giảng dạy; bằng việc thực hiện “chuyển giao công nghệ” đào tạo từ các trường ĐH tiên tiến trên thế giới. Nếu không như vậy sẽ khó có bước phát triển “đột phá” trong GDDH ở VN. Tuy nhiên cái gì phù hợp ta áp dụng ngay, cái nào chưa thích ứng ta có chọn lọc...

Thứ ba, một chương trình giáo dục tiên tiến cũng sẽ khó “đồng hóa” đối với người học, nếu không có thầy giỏi và phương pháp giảng tốt. Đây là yếu tố liên quan mật thiết với khâu “đột phá” nói trên. Để có thầy giỏi, ngoài khâu tuyển dụng có người tài, có kinh nghiệm còn phải coi trọng khâu tái đào tạo để cập nhật kiến thức. Đội ngũ giảng viên ĐH của chúng ta còn có khoảng cách về tri thức so với trình độ quốc tế; bởi ít được tiếp cận, giao lưu, trao đổi học thuật với các ĐH có đẳng cấp. Do vậy Nhà nước cũng cần dành một nguồn quan trọng từ NSNN đầu tư cho các hoạt động trên một cách thường xuyên. Ngoài kiến thức chuyên sâu, người thầy giỏi cần có được định hướng và chương trình nghiên cứu khoa học có hiệu quả, vì NCKH là hạt nhân của kiến thức sâu rộng, tạo phẩm chất tri thức cơ bản của người thầy. Có thầy giỏi, mới có thể áp dụng được các phương pháp giảng tốt. Hiện nay, dư luận cho rằng, chương trình và phương pháp giảng ĐH ở VN đang ở trình độ 12 + 4 (tứ tài + 4 năm); thậm chí không ít thầy cô còn đọc bài cho sinh viên chép. Nhìn toàn cục, phương pháp giảng của chúng ta chủ yếu là độc diễn, buộc người học tiếp nhận kiến thức thụ động không tạo được tư duy đa chiều, hạn chế tính sáng tạo của người học.

Phương pháp giảng hiệu quả nhất đối với người học hiện nay là phương pháp đối thoại và mô phỏng tình huống. Bởi nó tạo môi trường dân chủ trong dạy và học thông qua trao đổi, tranh luận, chọn lọc, đúc kết, tích tụ kiến thức cho người học ngay trên ghế nhà trường, đồng thời khởi lập cho người học hành trang “vào đời”.

Phương pháp giảng tốt không thể không có sự hỗ trợ của thiết bị và phương tiện học tập để gắn kết giữa

học với hành, giữa tư duy trừu tượng và trực quan.

Nằm trong các giải pháp “đột phá” về cơ chế và cơ cấu cũng cần nhanh chóng chuyển từ phương thức đào tạo theo học chế niên chế sang học chế tín chỉ. Học chế tín chỉ là học chế tiên tiến hiện nay. Nó giúp cho sinh viên chủ động trong bố trí kế hoạch học tập; chủ động tích lũy kiến thức. Sinh viên có thể kết thúc sớm khóa học, hoặc kéo dài thời gian học tùy vào sức học và gia cảnh. Ví dụ: Một khóa học 4 năm sinh viên có thể rút ngắn còn 2 năm để nhận bằng tốt nghiệp hoặc kéo dài 6 năm học tập ... Ngoài ra nếu năng lực học tập tốt, sinh viên có thể học một lúc nhiều ngành hoặc nhiều trường. Học chế tín chỉ cũng đòi hỏi các trường ĐH phải có chế độ đào tạo liên thông không chỉ trong nước vào còn với hệ thống ĐH quốc tế.

Có thể nói, đột phá về cơ chế và cơ cấu nói trên là giải pháp trung tâm, cần đi trước một bước để tạo cơ sở vững chắc cho công cuộc đổi mới GDDH VN một cách căn cơ và bền vững.

3. Các giải pháp song hành và đồng bộ

Các giải pháp này vừa có chức năng hỗ trợ vừa hậu thuẫn cho đổi mới toàn diện GDDH VN trong điều kiện hiện nay. Ba “mũi” chủ yếu của nó là:

3.1. Tái cơ cấu mạng lưới đại học: Mạng lưới ĐH VN được hình thành và phát triển hơn 5 thập niên qua, tuy nhiên vẫn còn chắp vá và bất cập. Do vậy đổi mới nó cho phù hợp với xu thế thời đại và liên thông với hệ thống GDDH quốc tế, đang là đòi hỏi bức thiết.

Phương pháp hoàn thiện mạng lưới GDDH VN được tập trung vào các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, tập trung và khẩn trương xây dựng các trường ĐH đẳng cấp cao làm hạt nhân cho nền GDDH để, trong thời gian không lâu đạt đến trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực và tiếp cận với các nền giáo dục hiện đại trên thế giới.

Thứ hai, xây dựng các chuẩn mực và đầu tư tương thích cho các

trường ĐH đẳng cấp quốc tế, trọng điểm quốc gia, ĐH khu vực và ĐH các địa phương.

Thứ ba, phân bố hợp lý mối quan hệ giữa đào tạo nhân tài (tinh hoa), nhân lực, với giáo dục đại trà, chuẩn bị môi trường cho việc hình thành xã hội học tập.

Điều nổi cộm về chất lượng đào tạo ĐH VN mà chúng ta dễ nhận thấy là: mặc dù hiện nay, trong giới trí thức, chúng ta có khá đông đảo những người có học vị và chức danh khoa học cao, song lại không có công trình khoa học có giá trị "đột phá". Đặc biệt trong ứng dụng triển khai khoa học công nghệ, yếu tố rất quan trọng để chúng ta "đi tắt, đón đầu". Nhiều phương tiện truyền thông đã đề cập: số người có học vị giáo sư, tiến sĩ ở VN hơn Thái Lan rất nhiều (3 lần) nhưng hiệu quả trong nhiều ngành kinh tế - kỹ thuật VN còn lạc hậu so với Thái Lan từ 20 - 30 năm. Thông tin này không thể không gây "sốc" đối với những con người có tâm huyết.

Theo chúng tôi đó là nguyên nhân sai lệch một thời của nền GDDH VN là nặng theo lối học "tâm chương trích cú phổ trương, với những lý thuyết "hàn lâm" xa rời cuộc sống, thích học làm "thầy" hơn là "thợ" và cũng là kết quả của lối đào tạo "dàn hàng ngang cùng tiến". Hiện nay trước hết chúng ta cần đuổi kịp các nước tiên tiến bằng con đường ngắn nhất. Muốn vậy phải đặt trọng tâm vào việc nắm bắt - ứng dụng - triển khai công nghệ mới (như GSVS Trần Đại Nghĩa trước đây thường nhấn mạnh); chứ lúc này không thể lấy nghiên cứu cơ bản làm gốc để phát triển công nghệ; mà chỉ giới hạn trong một số lĩnh vực hoạt động; vì thế mạnh này hầu như đang thuộc "độc quyền" của các nước phát triển, mà chúng ta khó cạnh tranh. Nghiên cứu cơ bản là cần thiết và nó sẽ lấy lại vị trí của nó sau khi chúng ta xác lập được cơ sở vật chất kỹ thuật có tính thời đại.

Từ những ý tưởng đó theo chúng tôi phương hướng giáo dục nghệ và GDDH của VN trong vài thập niên tới cần tập trung vào đào tạo nguồn nhân lực theo kiểu hình

thấp như sau:

- Đầu tư đào tạo số lượng hợp lý các trí thức tinh hoa, thực tài trong nghiên cứu, phát minh sáng chế, có tầm cỡ quốc tế, để đón đầu trào lưu tiến bộ của khoa học công nghệ.

- Xây dựng một số lượng cần thiết các chuyên gia tài năng, có khả năng nắm bắt, ứng dụng, triển khai công nghệ hiện đại để tạo sự đột phá trong kinh tế. Theo chúng tôi, đây là "khâu yếu" mà Nhà nước bằng mọi cách đầu tư từ NSNN thích đáng nhất cho nó trong điều kiện hiện nay.

- Đào tạo khá đông đảo nguồn nhân lực có kỹ năng cao trong lao động nghề nghiệp.

- Đông đảo đội ngũ nhân viên (công nhân) thừa hành lành nghề, và dưới đó là một đội ngũ lao động phổ thông có học vấn. Cơ cấu đào tạo này có thể cho phép chúng ta "đi tắt đón đầu" để đuổi kịp các nước tiên tiến mà chúng ta đang hướng tới.

Thứ tư, xây dựng cơ chế liên thông từ trung học, CĐ lên ĐH; liên thông giữa các trường ĐH; liên thông giữa các trường ĐH của VN với hệ thống GDDH quốc tế.

3.2. Nâng cao mức đầu tư từ NSNN để cải thiện chất lượng và hiệu quả của GDDH:

Chúng ta đã khẳng định giáo dục là quốc sách hàng đầu, song đầu tư cho nó vẫn chưa tương xứng. Điều này có thể được giải thích bởi nhiều lý do và trong chừng mực nào đó cũng có thể thông cảm với những thách thức phải đương đầu của Chính phủ. Tuy nhiên so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới thì tỷ lệ chi cho giáo dục nói chung của VN còn thấp, đơn cử các khoản chi này chỉ chiếm 16 - 18% trong chi NSNN, tương ứng khoảng trên 5% GDP và chi bình quân cho số người đang đi học chỉ đạt trên 20 USD/người/năm. Trong khi đó ở một số nước đang phát triển, mức chi này lên đến hàng trăm USD, còn các nước phát triển thì rất cao. Chúng ta cần phải coi đầu tư cho GDDH là đầu tư cho phát triển.

NSNN ta còn nhiều khó khăn, nhưng ai cũng nhìn nhận rằng, nếu không có sự đầu tư thích đáng cho giáo dục, thì khó cải thiện được vị

thế kinh tế của VN trên trường quốc tế, khi mà nền kinh tế tri thức đang hiện thực hóa ở một số nước phát triển hàng đầu thế giới.

3.3. Đẩy nhanh xã hội hóa GDDH: Xã hội hóa dưới nhiều hình thức, cấp độ đã được thực hiện hơn 10 năm qua và hiện nay đang được phát triển rộng rãi bền vững. Theo chúng tôi, đó đang là một xu thế. Trên góc độ này Chính phủ đề ra chủ trương đến 2020, hệ thống ĐH ngoài công lập đảm nhận 40% lượng sinh viên trong tổng số sinh viên toàn quốc.

Điều đó đã khẳng định vị thế của hệ thống ĐH ngoài công lập và có ý nghĩa trên nhiều phương diện như:

- Hỗ trợ cho Nhà nước tập trung đầu tư vào các trường ĐH trọng điểm, đẳng cấp cao, chất lượng cao, tiếp cận với trình độ tiên tiến trên thế giới.

- Mở rộng cửa đại học đối với đại chúng, góp phần tạo nguồn nhân lực ngay cả nhân tài cho đất nước và chuẩn bị hòa mạng cùng ĐH công lập ngay cả ĐH quốc tế và tạo ra xã hội học tập trong tương lai.

Tóm lại, đổi mới cơ bản và toàn diện GDDH VN không chỉ là đòi hỏi bức xúc mà còn mang tính chiến lược của GDDH VN trước thềm hội nhập. Đây cũng là nguyện vọng của các nhà giáo dục và các nhà trí thức tâm huyết đối với tiến bộ của nền giáo dục của VN. Công cuộc đổi mới phải được tiến hành khẩn trương, quyết liệt mới có thể đạt tới mục tiêu mà NQ14/2005/NQ - CP là "đến năm 2020 GDDH VN đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới...". Bởi lẽ trong trào lưu chung hiện nay, các nước xung quanh ta cũng không để cho nền GDDH của họ được phép bỏ lỡ thời cơ để đạt tới đỉnh cao. Và nếu chúng ta không tiến hành cải cách mạnh mẽ khẩn trương nền giáo dục nói chung và GDDH nói riêng, thì khó có cơ hội để cải thiện vị thế VN trên trường quốc tế. Điều đó tất cả chúng ta đều phải suy ngẫm! ■

Tài liệu tham khảo:

- NQ về đổi mới cơ bản và toàn diện GDDH VN giai đoạn 2006 - 2020 (số 14/2005/NQ-CP).
- Các tài liệu tham khảo qua mạng.